

CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT

Ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Thái Sơn

1.2. Địa chỉ trụ sở

- Điểm trường: Thôn Phú Niệm 1 Xã Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Email: mnthaison@anlao.edu.vn

- Website: <http://mnthaisonanlao.haiphong.edu.vn>.

- Fanpages:

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường mầm non công lập

1.4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

** Sứ mệnh:*

Tạo dựng được môi trường giáo dục về nề nếp, kỷ cương có chất lượng cao, để mỗi trẻ đều có cơ hội phát triển hài hòa, cân đối, tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong tương lai.

** Tầm nhìn:*

Đến năm 2035 Trường Mầm non Thái Sơn là một trường CSVC và trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu của ngành học.

Tạo dựng được môi trường chăm sóc, giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương để giúp trẻ phát triển một cách toàn diện, trẻ biết sáng tạo, có năng lực tư duy.

** Mục tiêu*

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập. Nhà trường có đầy đủ phòng học với các trang thiết bị hiện đại.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị các điều kiện phổ cập giáo dục MN trẻ em 4 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường mầm non Thái Sơn được hình thành từ trường MN bán công xã Thái Sơn Năm 2010 Chia tách 2 trường MN Thái Sơn I và MN Thái Sơn II. Sau 12 năm hoạt động UBND Huyện An Lão ra Quyết định số 3861/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 về việc sáp nhập trường MN Thái Sơn I và MN Thái Sơn II sáp nhập thành Trường MN Thái Sơn.

Trong những năm vừa qua, trường luôn đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến; Chi bộ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ; Đoàn Thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc.

1.6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Oanh

Chức vụ: Hiệu trưởng - Điện thoại: 0983 895 239

1.7. Tổ chức bộ máy

Quyết định số 3861/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 về việc thành lập trường mầm non Thái Sơn.

Quyết định số 5902/QĐ-UBND ngày 25/09/2024 của UBND huyện An Lão về việc kiện toàn Hội đồng trường các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học sơ sở công lập trên địa bàn huyện nhiệm kỳ 2021 - 2025.

Danh sách thành viên Hội đồng trường

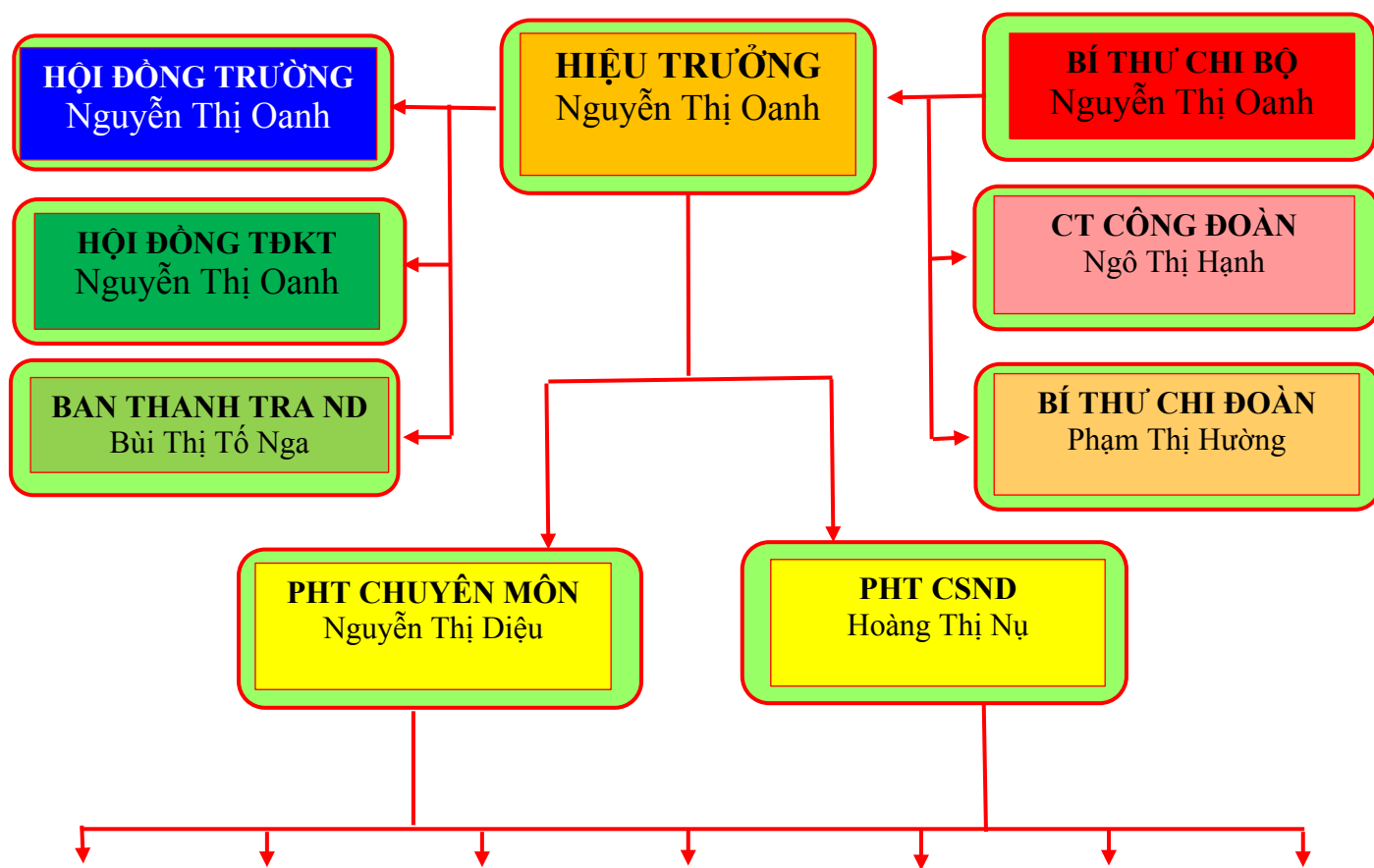
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Nguyễn Thị Oanh	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng
2	Bà Hoàng Thị Nụ	Phó Hiệu trưởng
3	Bà Nguyễn Thị Diệu	Phó Hiệu trưởng
4	Bà Ngô Thị Hạnh	Chủ tịch công đoàn
5	Bà Phạm Thị Hường	Bí thư Đoàn thanh niên
6	Bà Phạm Thị Thịnh	Tổ trưởng chuyên môn khối 5 tuổi
7	Bà Nguyễn Thị Ngọc	Tổ trưởng chuyên môn khối 4 tuổi
8	Bà Phùng Thị Huyền	Tổ trưởng Tổ văn phòng
9	Bà Bùi Thị Tố Nga	Trưởng ban Thanh tra nhân dân
10	Bà Mai Thị Thu Miền	Phó Chủ tịch UBND xã Thái Sơn
11	Bà Bùi Thị Hương	Ban Đại diện cha mẹ HS

Danh sách trên có 11 người

II. ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

2.1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	Th.sĩ	ĐH	CD	TC	Dưới TC
	Tổng số GV, CBQL và NV	56			39	7	7	3
I	Giáo viên	38			35	3		
1	Nhà trẻ	8			8	0		
2	Mẫu giáo	30			27	3		
II	Cán bộ quản lý	3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			
III	Nhân viên	15			1	4	7	3
1	Kế toán (kiêm văn thư)	1			1			
2	Thủ quỹ (GV kiêm nhiệm)	0						
3	NV y tế	0						
4	NV nuôi dưỡng	11				4	7	
5	Bảo vệ	3						3



TỔ CM NHÀ TRẺ	TỔ CM 3 TUỔI	TỔ CM 4 TUỔI	TỔ CM 5 TUỔI	TỔ VĂN PHÒNG	TỔ NUÔI DƯỠNG	BẢO VỆ
1. Phạm Thị Hoa (TT) 2. Nguyễn Thị Tuyết (TP) 3. Nguyễn Thị Năm 4. Hoàng Thị Phương 5..Hoàng Thị Thùy 6.Nguyễn Thị Thúy 7.Hoàng T.Thu Trang 8. Vũ Phương Liên	9. Phạm Thị Hường (TT) 10. Nguyễn ThịHương(TP) 11. Đỗ Thị Hiền 12. Vũ Thị Thắm 13.Vũ Thị Dung 14.Hoàng Thị Mỹ 15.Đào Thị Ngân 16. Hoàng Thị Luyện	17. Nguyễn Thị Ngọc(TT) 18. Bùi Thị Tố Nga(TP) 19.Bùi Thị Thương 20.Nguyễn THị Lương 21. Nguyễn T.Thu Hoàn 22. Hoàng Thị Thanh Thắm 23.Hoàng Thị Thánh 24.Hoàng Thị Tươi 25. Nguyễn Thu Huyền 26.Đoàn Thị Thu Hiền	27. Phạm Thị Thịnh (TT) 28.Đặng Thị Khuya(TP). 29.Nguyễn Thị Vân 30. Hoàng Phương Thúy 31. Hoàng Thị Huyền 32.Đào T Liễu 33. Hoàng Thị Hồng Hà 34.Nguyễn Việt Anh 35.Ngô Thị Hạnh 36.Phùng Thị Quyên 37.Hoàng Thị Thương 38. Bùi TOanh	40. Phùng Thị Huyền)	41. Đào Thị Thảo(BT) 42. Nguyễn Thị Yên 43. Nguyễn Thị Thu Hải 44. Hoàng Thị The 45. Phạm Thị Liên 46. Bùi Thị Hồng Vân 47.Bùi Thị Hồng Nhung 48.Đặng Thị Liên 49.Hoàng Thị Dần 50.Ngô Thị Cúc 51.Vũ Thị Nga	52. Nguyễn Thị Hương 53.Đặng Văn Rô 54.. Đào Xuân Chiến

2.2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		
	Số lượng	38	38
	Tỷ lệ	100%	100%

2.3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

TT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Cán bộ quản lý		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	Giáo viên		

	Số lượng	38	38
	Tỷ lệ	100%	100%
3	Nhân viên		
	Số lượng	12	12
	Tỷ lệ	100%	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

TT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Yêu cầu theo quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	1500 m ²	1500 m ²	
	Điểm trường	02	02	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	2,7 m ²	2,7 m ²	
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng			
2.1	<i>Khối phòng CSNDGD trẻ</i>			
	Phòng học	18	18	
	Phòng vệ sinh	18	18	
	Phòng ngủ			
	Phòng khác			
2.2	<i>Khối phòng học tập</i>			
	Thư viện	0	0	
	Phòng đa năng	1	1	
	Phòng nghệ thuật	1	1	
2.3	<i>Khối phòng tổ chức ăn</i>			
	Nhà bếp	2	2	
	Nhà kho			
2.4	<i>Khối phòng hành chính, quản trị</i>			
	Phòng Hiệu trưởng	01	01	
	Phòng PHT	02	02	
	Hội trường	01	01	
	Phòng hành chính quản trị	01	01	
	Phòng bảo vệ	02	02	
	Phòng y tế	01	01	
	Phòng khác			
2.5	<i>Khối công trình công cộng</i>			
	Nhà xe giáo viên	02	02	
	Phòng vệ sinh	02	02	
	Phòng khác			

3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có (lớp)	18	18	
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	10	10	
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác			
	Ti vi	19	19	
	Máy vi tính văn phòng	5	5	
	Loa kéo + loa máy phục vụ thể dục	1	1	
	Camera	18	18	
	Điều hòa	36	36	
	Bình nóng lạnh	18	18	
				

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá

- Kết quả tự đánh giá

Trường MN Thái Sơn tự đánh giá KĐCLGD cấp độ 2.

- Kế hoạch cải tiến: có hàng năm

4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

- Kết quả đánh giá và công nhận: Nhà trường đạt kiểm định CLGD cấp độ 2

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện CSNDGD trẻ năm học trước

TT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	18	
2	Tổng số trẻ	589	
3	Số trẻ bình quân/nhóm (lớp)	32	
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	589	
5	Số trẻ ăn bán trú	589	
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	589	
7	Kết quả thực hiện PCGD TE 5T	191	

8	Số trẻ khuyết tật	0	
---	-------------------	---	--

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
1	Tình hình tài chính		
	Chi tiền lương và thu nhập	5.427.920.709	5.274.000.000
	Chi CSVC và dịch vụ	207.550.000	173.000.000
	Chi hỗ trợ người học		
	Chi khác		
2	Các khoản thu và mức thu đối với người học	1. Tiền ăn bán trú (đã bao gồm chất đốt): 25.000đ/ngày 2. Hỗ trợ nhân viên trực tiếp nấu ăn, chăm ăn, công tác quản lý: 100.000đ/tháng 3. Quản lý ngoài giờ hành chính (từ 11h30 – 13h30): 10.000đ/ngày 4. Dịch vụ dạy thêm thứ 7 (Đối với trẻ đăng ký học – không bắt buộc): 40.000đ/buổi 5. Học tiếng Anh do giáo viên nước ngoài giảng dạy (Đối với trẻ đăng ký học – không bắt buộc): 27.500đ/tiết 6. Mua sắm thiết bị phục vụ bán trú: 360.000đ/năm/ học sinh mới đi học; 200.000đ/năm với trẻ đi năm 2 Bảo hiểm toàn diện (không bắt buộc): 100.000đ/năm	1. Tiền ăn bán trú (đã bao gồm chất đốt): 25.000đ/ngày 2. Hỗ trợ nhân viên trực tiếp nấu ăn, chăm ăn, công tác quản lý: 100.000đ/tháng 3. Quản lý ngoài giờ hành chính (từ 11h30 – 13h30): 10.000đ/ngày 4. Dịch vụ dạy thêm thứ 7 (Đối với trẻ đăng ký học – không bắt buộc): 40.000đ/buổi 5. Học tiếng Anh do giáo viên nước ngoài giảng dạy (Đối với trẻ đăng ký học – không bắt buộc): 27.500đ/tiết 6. Mua sắm thiết bị phục vụ bán trú: 360.000đ/năm/ học sinh mới đi học; 200.000đ/năm với trẻ đi năm 2 Bảo hiểm toàn diện (không bắt buộc): 120.000đ/năm

3	Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn giảm	16.852.500	5.487.500
4	Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)	4.670.354	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL và GV mầm non

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Công tác xã hội hóa tại nhà trường năm học 2023-2024 đạt kết quả khả quan, vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, phụ huynh (**Lắp đặt 2 hệ thống lọc nước sạch, 01 máy điều hòa, 01 máy giặt với tổng trị giá 91.827.000 đồng**).

7.4. Tăng cường ứng dụng CNTT, thực hiện công tác chuyển đổi số

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như quản lý cán bộ phần mềm cơ sở dữ liệu, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế dịch vụ công, quản lý tài sản công, phần mềm quản lý trang web,... sử dụng phần mềm edoc trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lứa tuổi được ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Tiếp tục triển khai rà soát hoàn thiện cập nhật mã định danh của trẻ, hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

7.5. Công tác truyền thông

Nhà trường xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo.

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường lớp, qua trang mạng xã hội trang fanpage mầm non Thái Sơn, Zalo nhóm lớp, thông qua website trường: <http://mnthaisonanlao.haiphong.edu.vn>.

Thái Sơn, ngày 01 tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Oanh